TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 246/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng

2. Bà Nguyễn Kim Lên

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường – Thư ký tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 507/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 297/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 255/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Ánh T** – sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh **Phạm Ngọc B** – sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn Ngọc Tân, xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Chỗ ở: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên tòa, chị T và anh B vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/7/2019, bị đơn chị Nguyễn Ánh T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh B sống chung năm năm 2002, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hưng theo quy định pháp luật. Hiện tại vợ chồng đã ly thân nhau. Xét thấy cuộc sống chung không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh B.

Về con chung: Có một người con chung là cháu Phạm Anh D sinh ngày 02/3/2003, hiện cháu đang sống với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Phạm Ngọc B đúng theo quy định pháp luật nhưng anh B không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phạm Ngọc B có nơi cư trú tại ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh B, yêu cầu trực tiếp nuôi con nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T là người khởi kiện, anh B là người bị kiện nên xác định tư cách đương sự chị T là nguyên đơn, anh B là bị đơn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh B đã được tòa án triệu tập hợp lệ những vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ theo Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt chị T, anh B theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh chị tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh B được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh B và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn với anh B. Trường hợp nếu cho các bên tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh B.

[3] Về con chung: Anh chị có một người con chung là cháu Phạm Anh D, sinh ngày 02/3/2003. Hiện cháu đang sống cùng với chị T, chị yêu cầu được tiếp

tục nuôi cháu. Tòa án có ghi nhận ý kiến cháu D, cháu có nguyện vọng sống với chị T. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu D cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu và đúng với quy định của pháp luật.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi cháu D. Xét đây là sự tự nguyện của chị T nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, anh B không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ánh T về việc yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Ngọc B.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ánh T được ly hôn với anh Phạm Ngọc B.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Anh D, sinh ngày 02/3/2003 cho chị Nguyễn Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Ngọc B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Anh Phạm Ngọc B không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Ánh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, chị có nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003476 ngày 26 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu, chị Nguyễn Ánh T không phải nộp tiếp.

Án xử công khai, chị Nguyễn Ánh T và anh Phạm Ngọc B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- UBND xã Khánh Hưng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hợp